

DIỄN ĐÀN NÓI VÀ VIẾT

THƯ PHÁP VÀ VĂN HÓA

MẠC TUÂN
(Hà Nội)

Cần khẳng định ngay rằng thư pháp – phép viết chữ Hán tự, theo kiểu chữ Hán là một bộ phận văn hoá, là văn hoá. Vào dịp tết lễ, thư pháp với việc “xin chữ” và “cho chữ” là một thú chơi xuân trí tuệ, tao nhã. Thời ông cha ta, ngoài việc lo bàn thờ cúng có đèn hương, hoa quả, còn là lo sắm vài ba câu đối có chữ như “phượng múa rồng bay” hiện trên giấy hồng điều treo mừng năm mới với hàm ý là cầu xin hồng phúc, hanh thông, thịnh đạt.

Hoa quả bày trên bàn thờ là trưng lộc của trời đất thuận theo mùa nào thức nấy, hương đèn là chuyện truyền thống của con người, còn câu đối tết thể hiện nét văn hoá văn minh. Xin nhắc chuyện bàn thờ và đèn hương trước. Bàn thờ tổ tiên của người Việt, dù ở bất cứ đâu, là sự thể hiện tính tích thiện, là nét văn hoá hiếu nghĩa đặc trưng truyền thống Việt.

Việc đốt đèn lấy ánh sáng xoá bóng tối ai cũng biết, nhưng hình tượng đèn sáng xoá u mê, mờ mịt thì ít người để ý. Lưu ý là xin đừng thắp quá nhiều đèn tốn năng lượng, dễ gây bệnh thị giác cho trẻ nhỏ!

Việc thắp hương, đốt trầm theo cách nhìn vật chất là lấy hương thơm xua khí độc, nhận khí mới trong lành, xông thơm nhà đất và diệt khuẩn, còn về mặt tâm linh, khi người thắp hương, chăm chú nhìn đốm lửa đỏ chính là lúc gạt bỏ âu lo, thoát khỏi bấn loạn “stress”, tịnh lặng hồi tâm, sám hối, tập trung tinh thần hướng về nguồn cội, ghi nhớ công đức của tiên nhân! Hương thắp tối đa ba nén tượng

trưng: một nén thờ trời phật, một nén thờ đất đai và nén thờ tổ tiên, thấp tối thiểu thì chỉ cần một nén khi có chủ ý hợp nhất trời - đất - người vào một, vừa tiết kiệm, vừa trang nghiêm, không lãng phí. Đốt cả năm hương rất lãng phí, hại môi sinh.

Chuyện thư pháp với việc “xin chữ” và “cho chữ” “phượng múa rồng bay” trên giấy hồng điều vào ngày tết nhà nhà đều treo để cầu mong phúc đức, trước tiên phải lựa thời điểm, theo tục xưa, lấy ngày “trực thành” đi “xin chữ”, ngày “trực khai” “cho chữ” và treo chữ với hàm ý thành đạt và khai thông.

Xin chữ và cho chữ là nét văn hoá đặc trưng, tiêu biểu của phương Đông nông nghiệp, của nền văn minh Hoa Hạ - Trung Hoa, của Nhật Bản, Hàn Quốc và của Việt Nam. Thường thì, người đi “xin chữ” cần tấm lòng thành, người “cho chữ” sẵn đủ đức thuần hậu, đủ tài cho chữ. Cả hai người “xin chữ” và “cho chữ” là hai đối tượng của một lĩnh vực văn hoá được gọi là thư pháp. *Thư* là chữ nghĩa và *pháp* là phép tắc viết chữ nghĩa, nói một cách khác thư pháp chính là phép tắc, là quy phạm khi viết chữ. Hán tự với kiểu chữ tượng hình, đặc sắc ở chỗ chỉ một thao tác viết thực hiện hai chức năng: một là ghi âm tạo hình chữ, hai là đồng thời ngữ nghĩa hoá từ vựng, nghĩa là xác lập nội dung ý nghĩa của con chữ. Hán tự đã làm một việc mà thực hiện được hai nội dung: định lượng – ghi âm hình chữ và định tính – ngữ nghĩa hoá từ vựng, rồi tùy theo điều kiện và trình độ hình dung, tưởng tượng

của”những cộng đồng xã hội mà tạo thêm các ý nghĩa cụ thể cho một con chữ, do đó những con chữ có “đa” nghĩa. Hán tự mô tả khái niệm tối giản là bằng các nét “ngang bằng sổ ngay”. “Ngang bằng sổ ngay” là điều kiện “át có” (tung – hoành), là phép đầu tiên viết chữ Hán cùng với việc ngũ nghĩa hoá từ vựng là điều kiện “đầy đủ” mới tạo thành thư pháp .. mà chữ thập (là 10) là điển hình của sự phối hợp hai chiều ngang – thời gian (trục hoành) “ngang” viết trước; chiều dọc – không gian (trục tung) “sổ” viết sau

Sách vở ghi nhận thư pháp Trung hoa có lịch sử phát triển bền vững theo tiến trình lịch sử mấy nghìn năm, mỗi giai đoạn con chữ của Hán tự có tên gọi riêng, tách bạch từng thời phát triển, khởi đầu hình như vẽ theo kiểu chân chim (hay “gà bới”), rồi tới việc thắt nút dây thừng tạo thành kiểu chữ hoa văn thừng, khắc chữ lên xương thành giáp cốt văn, viết chữ lên thanh tre xanh thành kiểu sử xanh và trên cơ sở ấy mà phát triển thành các loại chữ Triện, chữ Khải, chữ Lệ (kiểu chữ viết lép lép, có một nét ngang điển hình “đầu tầm đuôi én” do tầng lớp nô lệ sáng tạo ra, được tập quyền phong kiến thừa nhận và dùng, chữ “lệ” này không có nghĩa là đẹp trong chữ “mĩ lệ”), chữ Thảo, chữ Hành

và còn nhiều những quy phạm, phép tắc chi tiết cụ thể và khái quát để phân biệt, đánh giá việc viết đúng hoặc sai, đẹp hoặc xấu, có bút lực uy dũng, cương nghị hay uyển chuyển không. Chúng tôi không đủ kiến thức chuyên sâu, hiểu rộng về thư pháp nhưng mạnh dạn ghi nhận nhằm khẳng định đặc tính văn hoá của vấn đề.

Khác hẳn với kiểu chữ Hán tự, kiểu chữ quốc ngữ của chúng ta đang dùng theo mẫu tự La tinh, viết theo một chiều ngang chỉ mới có một điều kiện “át có” “hoành” nhưng vẫn thiếu “tung”, không có điều kiện ngũ nghĩa hoá từ vựng cùng một lúc

với việc “ghi âm” bằng trắc sáu thanh: không, sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng. Việc ghi âm theo mẫu tự La tinh chỉ là việc “phiên âm” chữ cái, ghép chúng thành vần, ghép vần thành chữ, không thể ngũ nghĩa hoá các con chữ đó được. Chữ tạo trước nghĩa ghép sau nên “đơn” nghĩa, do đó không thể tạo ra cái gọi là “thư pháp Việt” được. Có chăng chỉ có thể gọi đó là “thư hoạ”, vẽ chữ chơi kiểu vẽ tranh “ấn tượng” người vẽ thích vẽ thế nào thì tùy, thả sức, người xem thì cứ việc đoán mò vì không có quy tắc. Trào lưu “thư pháp Việt” là cách “tự bất minh” do thói quen tùy tiện khá phổ biến của nền văn minh nông nghiệp, tự ý, tự nghĩ chuẩn không qua kiểm nghiệm thực tế, tự phong như hê chèo: “Tôi ra đây có phải xưng danh không nhỉ?”.

Sở dĩ chúng tôi nêu vấn đề trên nhằm nhấn mạnh cái gốc văn hoá trong truyền thống nhân – tâm - đức thể hiện bằng tính hiếu hoà - khiêm cung – thuận động của người Việt. Đất nước chúng ta đang bước vào thời kinh tế thị trường, nằm trong cùng hệ thống văn minh nông nghiệp, với sức mạnh nội hàm từ tư duy hệ thống có hành động thiết thực, hiệu quả của chính mình, so với ba nước quanh ta, đã có thời cùng dùng Hán tự, thì một nước hiện là siêu cường kinh tế, một nước là con rồng châu Á, một nước đang đưa người bay vào vũ trụ, còn ta? Chúng ta đã và đang nhìn thẳng vào sự thật lịch sử để khẳng định nền văn hoá của ta, khẳng định cái gốc văn hoá dân tộc, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá gốc Việt ấy nên cần, rất cần sự học và hành căn cơ, đủ sức khái quát và sáng tạo trên cái nền văn hoá với xung lực căng tràn trong mùa xuân mới!

(Ban Biên tập nhận bài ngày 25-02-2008)

DIỄN ĐÀN NÓI VÀ VIẾT

BÁC HỒ “DỌN VƯỜN”

DƯƠNG QUANG MINH
(Hà Nội)

Một sáng chủ nhật năm 1966, nhà báo Lê Hữu Vy đang trực ở cơ quan Thông tấn xã Việt Nam (TTXVN) thì nhận được điện thoại của Bác Hồ. Bác nói đại ý: TTXVN vừa đưa tin một tờ báo nước ngoài gọi đồng chí Phạm Văn Đồng của chúng ta là “chính khách”. Dịch như vậy chưa chuẩn đâu các chú ạ! Bác có đọc bài báo nước ngoài, họ viết “homme politique” tức là “nhà hoạt động chính trị”, chứ có viết “politicien” đâu. Bác còn dặn: “Hai từ đó khác nhau, nếu các chú chưa rõ thì tra từ điển”.

Lần khác, cũng tại TTXVN, trong thời chống Mĩ, nhà báo Đoàn Văn Tần đang trực ban thì nhận được điện thoại của Bác. Anh kể: “Bác bảo các chú coi lại xem, có phải là một viên tướng Mĩ bị quân ta bắn bị thương ở miền Nam không? Và sao lại gọi là “tướng giải phẫu?”. Tôi giật mình nhận ra một đồng nghiệp chữa tin nhanh hôm qua đã nhầm. Từ “Surgeon General” nghĩa là bác sĩ trưởng quân y (Mĩ dùng) chứ không phải là tướng giải phẫu. Tôi xin lỗi Bác và nhận thiếu sót. Bác nói: “Bác không rõ nên hỏi lại các chú. Bác không phê bình gì đâu”.

Một điều thú vị nữa được nhà báo Trần Xuân kể: “Một hôm (vào năm 1960) nhân bàn về dịch thuật với ông Wen Zhuang – cán bộ Đại sứ quán Trung Quốc tại Hà Nội, Bác nói: “Vừa qua, Bác có đọc cuốn

“Hong Đăng Ký” (của Trung Quốc) do một bạn Trung Quốc dịch sang tiếng Pháp với tên “L Histoire de la lampe rouge” (Chuyện cái đèn đỏ). Bác nghĩ, dịch như vậy chưa đúng, từ lampe rouge là đèn đỏ, nhưng trong tiếng Pháp từ này đồng nghĩa với maison de passe tức là nhà chứa. Ở các đô thị lớn của Pháp thường có quartier de lampes rouges tức khu nhà thổ. Trong dịch thuật, người dịch có nắm được “cái thần” của chữ thì dịch mới đúng, mới hay”.

Tiếp xúc với những tư liệu trên, tôi nhớ tới điều Bác căn dặn các nhà báo (trong bức thư Người gửi lớp học viết báo đầu tiên của chế độ ta mang tên Huỳnh Thúc Kháng, năm 1949): “Nhà báo ít nhất phải biết một ngoại ngữ để xem báo nước ngoài”. Từng công tác tại Đài Tiếng nói Việt Nam và cộng tác với TTXVN, tôi được biết các nhà báo ở 2 cơ quan này đều noi theo gương sáng của Bác Hồ về học ngoại ngữ và cẩn trọng trong những công việc liên quan đến ngoại ngữ. Xin nêu một ví dụ: Nhà báo Trần Văn Chương, công tác tại Đài TNVN và TTXVN từ 1945, khi hai cơ quan này mới được thành lập. Hồi đó, một lần, ông được giáo sư Tạ Quang Bửu (thầy giáo tiếng Anh của ông ở Huế) giao cho việc đánh máy một số bức điện Hồ Chủ Tịch gửi các vị đứng đầu các nước Liên Xô, Anh, Mĩ (do giáo sư thảo bằng

